

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM LỚP HỌC PHẦN

Học kỳ: Học kỳ 1 (2024-2025)
Lớp học phần: [23401327] - Cầu lông 2 (CCQ2313A)

STT	Thông tin sinh viên				Quá Trình 40%			TBTk	Đ.THI	Đ.HP	Ghi chú
	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Hệ số 1		Hệ số 2				
					1	2	1				
1	2123130025	Điền Ngọc Vy	Anh	13/10/2005	9.0	9.0	7.5	8.3	8.0	8.1	
2	2123130070	Hồ Thị Minh	Anh	19/04/2005	9.5	9.0	6.5	7.9	10.0	9.2	
3	2123130088	Lê Phan Kim	Anh	29/08/2004	7.0	8.5	6.5	7.1	6.0	6.5	
4	2123130011	Nguyễn Thị Hồng	Anh	08/05/2005	9.0	9.0	7.5	8.3	4.0	5.7	
5	2123130032	Nguyễn Tiền	Bản	06/12/2005	7.5	8.5	6.5	7.3	4.0	5.3	
6	2122110128	Trần Gia	Bảo	09/11/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
7	2123130009	Nguyễn Tổng Khánh	Chi	13/10/2005	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
8	2123130059	Phan Thị Kiều	Diễm	21/11/2005	8.5	9.0	6.5	7.6	7.0	7.3	
9	2123130026	Mai Thị Bích	Điệp	12/01/2005	7.0	8.5	6.5	7.1	5.0	5.9	
10	2123130036	Nguyễn Thùy	Dương	18/03/2005	8.5	9.0	6.5	7.6	5.0	6.1	
11	2123130093	Nguyễn Thuỳ	Duyên	02/07/2005	7.5	8.5	6.5	7.3	7.0	7.1	
12	2123130016	Võ Trà Mỹ	Duyên	25/02/2005	9.0	9.0	7.5	8.3	9.0	8.7	
13	2122100260	Nguyễn Thị Thu	Hà	11/09/2003	5.5	7.5	6.5	6.5	5.0	5.6	
14	2123130028	Trần Thị Ngọc	Hà	20/01/2005	9.0	9.0	7.0	8.0	4.0	5.6	
15	2123130081	Bùi Ngọc Kim	Hoa	17/08/2005	7.0	8.5	6.5	7.1	5.0	5.9	
16	2123130068	Huỳnh Kim	Hòa	23/02/2005	9.0	9.0	7.5	8.3	5.0	6.3	
17	2123130091	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	30/01/2005	8.5	9.0	6.5	7.6	4.0	5.5	
18	2123130077	Nguyễn Thị Thu	Hương	23/10/2005	8.5	9.0	6.5	7.6	7.0	7.3	

19	2123130022	Vũ Thị Thu	Huyền	31/01/2001	9.0	9.0	7.5	8.3	5.0	6.3	
20	2123130092	Lê Thị Như	Huỳnh	26/10/2005	8.5	9.0	6.5	7.6	7.0	7.3	
21	2123130052	Lê Thị Hồng	Lan	06/02/2004	9.5	9.0	8.0	8.6	5.0	6.5	
22	2123130076	Huỳnh Mỹ	Liên	13/11/2005	8.5	9.0	6.5	7.6	4.0	5.5	
23	2123130053	Trương Thị Hồng	Liên	22/06/2005	8.5	9.0	6.5	7.6	8.0	7.9	
24	2122170235	Hoàng Ngọc Nhật	Linh	01/01/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
25	2123130034	Lê Thị Thùy	Linh	10/05/2005	8.5	9.0	6.5	7.6	10.0	9.1	
26	2123130062	Võ Hồ Thảo	Ly	15/12/2005	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
27	2123130058	Bùi Nữ Thiên	Lý	27/05/2005	8.5	9.0	7.0	7.9	10.0	9.2	
28	2122030142	Lê Công	Lý	16/07/2004	9.0	9.0	6.5	7.8	10.0	9.1	
29	2123130002	Bùi Thị Xuân	Mai	23/02/2005	9.0	9.0	7.5	8.3	9.0	8.7	
30	2122270078	Nguyễn Quỳnh Xuân	Mai	15/09/2004	5.0	7.0	6.5	6.3	5.0	5.5	
31	2123130089	Nguyễn Thị Kim	Mẫn	01/11/2005	8.5	9.0	6.5	7.6	5.0	6.1	
32	2123130015	Lê Thị	Mến	19/04/2005	9.5	9.0	8.0	8.6	4.0	5.9	
33	2123130042	Lê Thị	Nga	10/05/2005	7.5	8.5	6.5	7.3	8.0	7.7	
34	2123130035	Quách Thị Hồng	Nga	06/07/2005	7.5	8.5	6.5	7.3	5.0	5.9	
35	2123130033	Trần Thị Thanh	Ngân	26/03/2005	9.0	9.0	7.5	8.3	9.0	8.7	
36	2123130071	Đặng Như	Ngọc	19/05/2005	6.0	7.5	6.5	6.6	8.0	7.5	
37	2123130017	Hồ Thị Hồng	Ngọc	04/09/2005	9.0	9.0	7.5	8.3	4.0	5.7	
38	2123130064	Bùi Thị Hồng	Nhi	25/09/2005	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
39	2123130069	Nguyễn Phương	Nhi	14/10/2005	8.5	9.0	6.5	7.6	10.0	9.1	
40	2123130021	Phan Thị Ngọc	Nhi	04/11/2005	9.0	9.0	7.5	8.3	4.0	5.7	
41	2123130075	Trần Thanh Yên	Nhi	13/03/2005	8.5	9.0	6.5	7.6	5.0	6.1	
42	2123130086	Trịnh Quỳnh	Nhi	08/05/2004	8.5	9.0	6.5	7.6	6.0	6.7	
43	2123130085	Lâm Quê	Như	23/11/2005	8.5	9.0	6.5	7.6	4.0	5.5	
44	2123130079	Lâm Thị Quỳnh	Như	02/09/2005	9.0	9.0	7.5	8.3	7.0	7.5	

45	2123130010	Phạm Thị Hồng	Như	25/01/2005	9.0	9.0	7.5	8.3	9.0	8.7	
46	2123130063	Lê Nguyễn Nhật	Quyên	22/11/2005	7.5	8.5	6.5	7.3	9.0	8.3	
47	2123130051	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	19/11/2005	7.5	8.5	6.5	7.3	4.0	5.3	
48	2123130014	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	05/10/2005	8.5	9.0	7.0	7.9	8.0	8.0	
49	2123130001	Phạm Thị Như	Quỳnh	11/01/2004	9.0	9.0	7.5	8.3	6.0	6.9	
50	2123130008	Nguyễn Thị Thu	Tài	08/10/2005	8.5	9.0	7.0	7.9	6.0	6.8	
51	2123130048	Hồ Thị Phương	Thảo	09/01/2005	8.5	9.0	7.0	7.9	4.0	5.6	
52	2123130046	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	23/08/2005	8.5	9.0	7.0	7.9	5.0	6.2	
53	2123130039	Phạm Thị Bích	Thảo	20/11/2004	8.5	9.0	6.5	7.6	5.0	6.1	
54	2123130050	Trương Ngọc Anh	Thư	03/03/2005	7.5	8.5	6.5	7.3	4.0	5.3	
55	2123130060	Võ Thị Anh	Thư	02/11/2005	9.0	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	
56	2123130044	Mai Hoài	Thương	20/11/1999	9.5	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	
57	2123130007	Lê Nguyễn Mai	Thuy	14/06/2005	9.0	9.0	7.5	8.3	5.0	6.3	
58	2123130038	Nguyễn Thị Thanh	Tiến	24/12/2005	8.5	9.0	7.0	7.9	4.0	5.6	
59	2123130061	Trương Thanh	Tiến	16/09/2005	8.5	9.0	7.0	7.9	6.0	6.8	
60	2122170229	Ngô Hữu	Toán	07/01/2004	8.5	9.5	6.5	7.8	7.0	7.3	
61	2123130031	Đặng Ngọc Như	Trâm	10/11/2005	8.5	9.0	7.0	7.9	9.0	8.6	
62	2123130090	Văn Thị Huyền	Trân	27/04/2005	8.5	9.0	7.0	7.9	5.0	6.2	
63	2123130082	Nguyễn Thị Thùy	Trang	20/04/2005	7.5	8.5	6.5	7.3	4.0	5.3	
64	2122100250	Trần Nguyễn Huyền	Trang	03/04/2004	7.5	8.5	6.5	7.3	4.0	5.3	
65	2123130037	Trần Phương	Trang	30/10/2004	7.5	8.5	6.5	7.3	6.0	6.5	
66	2123130043	Nguyễn Vũ Kiều	Trinh	19/07/2005	8.5	9.0	7.0	7.9	10.0	9.2	
67	2122110263	Nguyễn Thanh	Tuấn	14/05/2004	8.5	9.5	6.5	7.8	6.0	6.7	
68	2123130083	Tường Thị	Út	01/01/2005	8.5	9.0	6.5	7.6	7.0	7.3	
69	2123130005	Lê Hà Thuý	Vi	22/06/2005	7.5	9.0	7.0	7.6	5.0	6.1	
70	2123130047	Lê Thị Yến	Vi	14/09/2005	9.0	9.0	7.0	8.0	10.0	9.2	

71	2123130024	Trần Mộng Tường	Vy	18/09/2005	8.5	9.0	8.0	8.4	4.0	5.8	
72	2122110153	Hoàng Thạch	Vỹ	28/07/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
73	2123130006	Nguyễn Phan Kiều	Xa	19/05/2003	9.0	9.0	7.5	8.3	5.0	6.3	
74	2123130019	Lê Thị Kim	Yến	17/12/2004	8.5	9.0	7.0	7.9	4.0	5.6	
Tổng cộng:		74			####	####	469.50	526.75			